TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HS-ST
Ngày 22 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích - ông Võ Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Lê Hoàng T (tên gọi khác: Tâm M), sinh ngày 19 tháng 01 năm 1990 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Số G, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Hoàng D (chết) và bà Nguyễn Kim H; gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là người thứ tư; bị cáo sống chung như vợ chồng với Lê Thị M1, sinh năm 1989; có 01 con sinh năm 2017.

Nhân thân: Ngày 18 tháng 3 năm 2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 02 năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", đến ngày 30 tháng 12 năm 2010 chấp hành xong.

Tiền án: Ngày 28 tháng 10 năm 2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 12 tháng 01 năm 2022 chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa thi hành án phí hình sự, án phí dân sự và bồi thường thiệt hại.

Tiền sự: Ngày 04 tháng 8 năm 2023, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 20 tháng 9 năm 2024.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 03 tháng 01 năm 2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố L, (có mặt).

2. Nguyễn Trí T1, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1985 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; nơi ở hiện tại: Tổ A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Kim X; gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo thứ tư; bị cáo có 02 vợ (đã ly hôn); có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2019. Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 29 tháng 6 năm 2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 14 tháng, chấp hành xong ngày 11 tháng 5 năm 2024.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố L, (có mặt)

- *Bị hại*: Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1979;

Cư trú: Số E, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, (có mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Phan Trung H1, sinh năm: 1973; (vắng mặt)

+ Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm: 1993; (vắng mặt)

+ Phạm Thanh C, sinh năm 1990; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 19 tháng 11 năm 2024, Lê Hoàng T đi bộ đến khu vực tổ A, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang tìm tài sản để lấy trộm, thấy xe mô tô nhãn hiệu Future Neo màu đen xám bạc, biển số 67B2 - 519.04, trên xe có 01 nón bảo hiểm màu xanh trắng của chị Nguyễn Thị Thu T2 dựng trước sân nhà. Lúc này, T dùng cây đoản chuẩn bị sẵn trong túi quần cạy mở ổ khóa xe mô tô 67B2 -519.04 dẫn bộ khoảng 03 mét, rồi lên xe điều khiển chạy đi. Trên đường, T dừng lại mở cốp xe thấy có 01 giấy phép lái xe, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thu T2, 02 thẻ ATM, 01 card điện thoại mobifone mệnh giá 100.000 đồng chưa sử dụng, 01 váy chống nắng nền màu xanh bông màu xám, thì T để lại căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thu T2, những đồ vật khác ném xuống kênh ở cầu R thuộc phường M, thành phố L. Sau đó, T điều khiển xe mô tô vừa lấy cắp được đến nhà Phan Trung H1 (H) số 2/1, khóm Đ, Phường M, thành phố L, điện thoại bảo Nguyễn Trí T1 bán xe mô tô 67B2 -519.04 dùm sẽ cho tiền Tín, thì T1 đồng ý. Sau đó, T1 đến nhà H1 gặp T và hỏi nguồn gốc xe mô tô 67B2 -519.04, thì T cho T1 biết xe này do T lấy

trộm ở phường M, thành phố L. Sau đó T1 điện thoại cho Chau Thi R đến nhà H1 mua xe. Khoảng 30 phút sau, Chau Thi R đến, T1 cho biết xe mô tô 67B2 -519.04 do T lấy trộm, thì Chau Thi R điều khiển xe mô tô 67B2 -519.04 đi, sau đó Chau Thi R điều khiển xe về bảo không mua và trả xe cho T1. Rạng sáng ngày 20 tháng 11 năm 2024, T1 khai Chau Thi Rath điện thoại bảo T1 mang xe đến nhà Chau Thi R ở T, thành phố Cần Thơ, thì Tín điều khiển xe bán cho Chau Thi R với giá 3.800.000 đồng, Chau Thi R chuyển khoản số tiền này vào tài khoản ngân hàng S của T1. Xong, T1 về nhà H1 đưa cho T 2.000.000 đồng tiền mặt, chuyển 1.500.000 đồng vào tài khoản Momo của H1 theo yêu cầu của T, còn 300.000 đồng Tâm trả công cho T1. Sau đó, T sử dụng tài khoản Momo của H1 chơi trò chơi trên điện thoại hết 800.000 đồng, còn 700.000 đồng do tài khoản Momo của H1 bị treo nên T không sử dụng được. Đến ngày 03 tháng 01 năm 2025, T đến Công an thành phố L đầu thú hành vi lấy trộm tài sản như trên. Nguyễn Trí T1 biết rõ xe mô tô 67B2 -519.04 do T trộm cắp mà có, nhưng vẫn tiêu thụ. Ngày 22 tháng 01 năm 2025, T1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L khởi tố bị can về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Vật chứng thu giữ, gồm: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thu T2 số 089179006786.

Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong Tố tụng hình sự trên địa bàn thành phố L: 01 xe mô tô, nhãn hiệu H2, loại xe số, màu sơn đen xám bạc, số máy JC35E2003258, số khung RLHJC35077Y802336, biển số 67B2-519.04, đã qua sử dụng, trị giá 22.500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐGTS ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong Tố tụng hình sự trên địa bàn thành phố L: 01 váy chống nắng nữ, nền màu xanh bông màu xám, đã qua sử dụng, trị giá 40.000 đồng (bút lục số 48).

Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong Tố tụng hình sự trên địa bàn thành phố L: 01 nón bảo hiểm, màu xanh trắng, không rõ nhãn hiệu, không thu hồi, không có cơ sở xác định được trị giá tài sản (bút lục số 49).

Kết luận giám định số 257/KL-KTHS, ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh A: Trích xuất 11 ảnh từ dữ liệu 01 tập tin video lưu trữ trong đĩa CD (ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo. Kèm theo Kết luận giám định 01 phụ lục gồm 05 trang A4 (bút lục số từ 37 đến 43).

Tại Cáo trạng số: 95/CT-VKSLX ngày 24 tháng 4 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên đã truy tố: Bị cáo Lê Hoàng T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Nguyễn Trí T1 về tội *"Tiêu thụ tài sản do người*

khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, bị cáo Lê Hoàng T và Nguyễn Trí T1 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Bị hại Nguyễn Thị Thu T2 có lời khai như nội dung vụ án và yêu cầu các bị cáo bồi thường 22.500.000đồng.

Người làm chứng Phan Trung H1, Nguyễn Thị Kiều N và Phạm Thang C1 vắng mặt tại phiên toà nhưng quá trình điều tra trình bày nội dung phù hợp với Cáo trạng và nội dung vụ án nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Hoàng T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Trí T1 từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Hoàng T liên đới bị cáo Nguyễn Trí T1 bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thu T2 số tiền 22.500.000đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định.

Các bị cáo không bào chữa và tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều thực hiện đúng pháp luật.

- Tại phiên toà, bị hại Nguyễn Thị Thu T2, người làm chứng vắng mặt, dù đã được Toà án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo Lê Hoàng T, Nguyễn Trí T1 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 18 giờ ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại khu vực trước sân nhà nhà của bị hại bà Nguyễn Thị Thu T2, thuộc tổ A, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, bị cáo Lê Hoàng T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 (một) xe mô tô, biển số 67B2-519.04, nhãn hiệu H2, màu sơn đem xám bạc, trị giá 22.500.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo T đã nói cho bị cáo Nguyễn Trí T1 biết 01 (một) xe mô tô là tài sản do phạm tội mà có và bị cáo T1 đồng ý tìm người để tiêu thụ tài sản, bán được tài sản thu lợi 3.800.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Lê Hoàng T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có khung hình phạt là phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm tù.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Trí T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự có khung hình phạt là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, mặc dù bị cáo T đã từng bị xử phạt về tội trộm cắp tài sản nhưng vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần phải xét xử thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Trí T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Lê Hoàng T bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Trí T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên bị cáo có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý và hiện đang bị bắt tạm giam trong vụ án khác về hành vi mua bán trái phép chất ma tuý.

Bị cáo Lê Hoàng T có 01 tình tiết tăng nặng, đồng thời bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu chưa được xoá án tích về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng lại tiếp tục vi phạm với cùng một tội danh, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm; bị cáo có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; điều đó chứng tỏ các bị cáo là người rất xem thường pháp luật nên việc áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc là cần thiết nhằm giáo dục răn đe và phòng ngừa chung, về khung hình phạt và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo T1 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với, bị cáo T về khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là chưa tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức hình phạt cao hơn Viện kiểm sát đề nghị.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Xét thấy, bị cáo T không có nghề nghiệp, tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thu T2 bị mất trộm tài sản có giá trị 22.500.000 đồng và có yêu cầu các bị cáo cùng bồi thường, xét thấy tại phiên toà các bị cáo cũng thống nhất bồi thường cho bà T2 số tiền 22.500.000 đồng, do đó Hội đồng chấp nhận yêu cầu bồi thường của bà T2. Buộc các bị cáo T và T1 mỗi bị cáo bồi thường cho bà T2 số tiền 11.250.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thu T2 số 089179006786 đã trả lại cho bị hại nên không xem xét đến.

[8] Bị cáo T1 khai Chau Thi Rath mua xe biết do phạm tội mà có, hiện Chau Thi Rath không rõ đang ở đâu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A

ra quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định pháp luật là có căn cứ.

Đối với, Phan Trung H1, Nguyễn Thị Kiều N cho các bị cáo T, T1 ở nhờ nhà, nhưng H1, N không bàn bạc, không tham gia lấy trộm xe với bị cáo T và không biết bị cáo T lấy trộm xe đem về nhà H1, N; không biết việc các bị cáo T, T1 bán xe do bị cáoTâm phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công tỉnh tỉnh A không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H1, N hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", "Che giấu tội phạm", "Không tố giác tội phạm" là có căn cứ.

Đối với, Phạm Thanh C có lời khai có giữ căn cước công dân của chị T2 và đưa cho bị cáo T 200.000 đồng, tuy nhiên C đã giao nộp lại căn cước công dân cho cơ quan điều tra và cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền 200.000 đồng; đồng thời bị cáo T không thừa nhận có nhận của C 200.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[9] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Trí T1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Hoàng T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 03/01/2025).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trí T1 01 (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo Lê Hoàng T và Nguyễn Trí T1 cùng bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu T2 số tiền 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Mỗi bị cáo bồi thường cho bà T2 số tiền 11.250.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lê Hoàng T và Nguyễn Trí T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 562.500 đồng (Năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Công an thành phố Long Xuyên;
- CQTHAHS Công an Tp. Long Xuyên;
- Nhà tạm giữ - Công an Tp. Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Kiên